

Chủng Ngừa Cho Trẻ

Vaccines for Your Children

Vaccines help prevent disease. Babies born in the United States may have their first vaccines right after birth. Future vaccines are given at well child check-ups with your child's doctor or at a local health department. Vaccines are needed for Women, Infants and Children (WIC) visits or for when children enroll in school.

Vaccines are also called immunizations. They are often given as injections or shots with a needle. Vaccines are either given as a single dose or as several doses given over time. **The full number of doses for each vaccine must be completed for the vaccine to protect your child from the disease.**

The below vaccine schedule is recommended for children birth to 6 years. If your child has not had these vaccines, check with your child's doctor or local health department to get the needed vaccines.

Vắc xin giúp ngăn ngừa bệnh tật. Trẻ em được sinh ra tại Hoa Kỳ được chủng ngừa lần đầu ngay sau khi sinh. Các liều vắc xin sau này được tiêm tại những lần khám sức khỏe tổng quát cho trẻ với bác sĩ của trẻ hay tại ban y tế địa phương. Chủng ngừa yêu cầu đối với những lần khám theo chương trình Phụ Nữ, Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Con (Women, Infants and Children hay WIC) hoặc khi trẻ ghi danh vào trường học.

Vắc xin còn được gọi là chủng ngừa. Việc này thường được thực hiện bằng cách chích hay tiêm bằng kim tiêm. Vắc xin được tiêm một liều hoặc nhiều hơn nhiều liều vào các thời điểm khác nhau. **Toàn bộ số liều tiêm cho mỗi loại vắc xin phải được thực hiện đầy đủ nhằm bảo vệ trẻ của quý vị không bị nhiễm bệnh.**

Lịch chủng ngừa bên dưới được khuyến nghị dành cho trẻ em từ 6 tuổi trở xuống. Nếu trẻ của quý vị chưa chủng ngừa để ngăn ngừa các bệnh này, cho bác sĩ hay ban y tế địa phương biết để thực hiện các loại chủng ngừa cần thiết.

Độ tuổi Age	Vắc xin Vaccines
Ngày sinh Birth	<ul style="list-style-type: none">Viêm gan B: liều thứ nhất Hepatitis B: 1st dose

Độ tuổi Age	Vắc xin Vaccines
2 tháng tuổi 2 Months Old	<ul style="list-style-type: none"> • Viêm gan B: liều thứ nhì cho tuổi từ 1 đến 2 tháng Hepatitis B: 2nd dose at 1 to 2 months • DTaP (tiêu chảy, uốn ván, ho gà): liều thứ nhất DTaP (Diphtheria, Tetanus and Pertussis): 1st dose • Hib (cúm H, loại b): liều thứ nhất Hib (Haemophilus influenzae type b): 1st dose • Liên hợp phế cầu khuẩn (PCV13): liều thứ nhất Pneumococcal conjugate (PCV13): 1st dose • Bại liệt (IPV): liều thứ nhất Polio (IPV): 1st dose • Rotavirus: liều thứ nhất Rotavirus: 1st dose • Viêm màng não: 2 tháng đến 18 tuổi cho vài nhóm có nguy cơ cao Meningococcal: 2 months through 18 years for certain high risk groups
4 tháng tuổi 4 Months Old	<ul style="list-style-type: none"> • DTaP (tiêu chảy, uốn ván, ho gà): liều thứ nhì Diphtheria, Tetanus & Pertussis (DTaP): 2nd dose • Hib (cúm H, loại b): liều thứ nhì Haemophilus influenzae type b (Hib): 2nd dose • Liên hợp phế cầu khuẩn (PCV13): liều thứ nhì Pneumococcal Conjugate (PCV13): 2nd dose • Bại liệt (IPV): liều thứ nhì Polio (IPV): 2nd dose • Rotavirus: liều thứ nhì Rotavirus (RV): 2nd dose

Độ tuổi Age	Vắc xin Vaccines
6 tháng tuổi 6 Months Old	<ul style="list-style-type: none"> • Viêm gan B: liều thứ ba cho tuổi từ 6 đến 18 tháng Hepatitis B: 3rd dose at 6 to 18 months • DTaP (tiêu chảy, uốn ván, ho gà): liều thứ ba Diphtheria, Tetanus & Pertussis (DTaP): 3rd dose • Hib (cúm H, loại b): liều thứ ba tùy theo loạt vắc xin Haemophilus influenzae type b (Hib): 3rd dose depending on vaccine series • Liên hợp phế cầu khuẩn (PCV13): liều thứ ba Pneumococcal Conjugate (PCV13): 3rd dose • Bại liệt (IPV): liều thứ ba cho tuổi từ 6 đến 18 tháng Polio (IPV): 3rd dose at 6 to 18 months • Rotavirus (RV): nếu là loạt vắc xin có 3 liều Rotavirus (RV): if 3 dose vaccine series • Cúm: bắt đầu sớm nhất là 6 tháng Influenza: yearly beginning at 6 months
12 tháng tuổi 12 Months Old	<ul style="list-style-type: none"> • Hib (cúm H, loại b): liều thứ ba hoặc thứ tư cho tuổi từ 12 đến 15 tháng tùy theo loạt vắc xin Hib (Haemophilus influenzae type b): 3rd or 4th dose at 12 to 15 months depending on vaccine series • Liên hợp phế cầu khuẩn (PCV13): liều thứ tư cho tuổi từ 12 đến 15 tháng Pneumococcal Conjugate (PCV13): 4th dose at 12 to 15 months • MMR (sởi, quai bị và sởi Đức (rubella)): liều thứ nhất cho tuổi từ 12 đến 15 tháng Measles, Mumps, Rubella (MMR): 1st dose at 12 to 15 months • Thủy đậu: liều thứ nhất cho tuổi từ 12 đến 15 tháng Varicella: 1st dose at 12 to 15 months • Viêm gan A: liều thứ nhất cho tuổi từ 12 tháng đến 23 tháng Hepatitis A: 1st dose at 12 to 23 months
15 đến 18 tháng tuổi 15 to 18 Months Old	<ul style="list-style-type: none"> • DTaP (tiêu chảy, uốn ván, ho gà): liều thứ tư DTaP (Diphtheria, Tetanus & Pertussis): 4th dose
2 đến 3 tuổi 2 to 3 Years Old	<ul style="list-style-type: none"> • Viêm gan A: liều thứ nhì Hepatitis A: 2nd dose • Vắc xin polysaccharide phế cầu khuẩn (PPSV23): từ 2 tuổi đến 18 tuổi cho vài nhóm có nguy cơ cao Pneumococcal polysaccharide (PPSV23): 2 years through 18 years for certain high risk groups

Độ tuổi Age	Vắc xin Vaccines
4 đến 6 tuổi 4 to 6 Years Old	<ul style="list-style-type: none"> • DTaP (tiêu chảy, uốn ván, ho gà): liều thứ năm Diphtheria, Tetanus & Pertussis (DTaP): 5th dose • Bại liệt (IPV): liều thứ tư Polio (IPV): 4th dose • MMR (sởi, quai bị và sởi Đức (rubella)): liều thứ nhì Measles, Mumps, Rubella (MMR): 2nd dose • Thủy đậu: liều thứ nhì Varicella: 2nd dose

After Getting a Vaccine

Some children will be fussy, have redness and swelling where the shot was given, or a fever. This is normal. **Call your child's doctor right away** if your child has any of these problems:

- Wheezing or problems breathing
- Swelling of the neck or face
- Convulsions (seizures) or muscle spasms
- Trouble waking from sleep
- A fever taken under the arm over 100 degrees F or 38 degrees C
- Constant crying for more than 3 hours
- A rash or hives

Sau Khi Chủng Ngừa

Một số trẻ sẽ quấy khóc, tấy đỏ và sưng ở chỗ tiêm hoặc sốt. Đây là điều bình thường. **Gọi cho bác sĩ của trẻ ngay lập tức** nếu con quý vị gặp phải bất kỳ vấn đề nào sau đây:

- Thở khò khè hoặc khó thở
- Sưng cổ hoặc mặt
- Co giật (động kinh) hay co giật cơ
- Thức dậy khó khăn
- Sốt trên 100 độ F hay 38 độ C lấy nhiệt độ ở nách
- Khóc liên tục hơn 3 tiếng đồng hồ
- Phát ban hoặc nổi ban đỏ

Vaccine Record

Bring your child's vaccine record with you each time you visit your child's doctor or your local health department. Keep your child's vaccine record so you will have it for:

- Women, Infants and Children (WIC) visits, a food aide program
- Head Start, a preschool program
- Day Care
- School
- College

Talk to your child's doctor or nurse if you have any questions or concerns.

Hồ Sơ Chủng Ngừa

Mang theo hồ sơ chủng ngừa mỗi khi đến bác sĩ khám bệnh hay đến ban y tế địa phương. Giữ hồ sơ chủng ngừa của trẻ để dùng đến khi:

- Khám theo chương trình Phụ Nữ, Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Con (Women, Infants and Children hay WIC), chương trình trợ cấp thực phẩm
- Theo chương trình Khởi Đầu Sớm (Head Start), trường dự bị mẫu giáo
- Đến nơi giữ trẻ ban ngày
- Học tiểu học hay trung học
- Học cao đẳng hay đại học

Cho bác sĩ hay y tá biết nếu quý vị có bất cứ câu hỏi hoặc thắc mắc nào.